

BẢNG KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CNCN THỦ DẦU MỘT THÁNG 08/2022

Số TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Kết quả thử nghiệm	
				Giá trị min	Giá trị max
1	Độ pH	-	6,0 - 8,5	6,83	7,86
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	≤ 1.000	75	93
3	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
4	Độ đục*	NTU	≤ 2	0,44	1,86
5	Độ màu	Pt-Co	≤ 15	3	11
6	Độ cứng tổng cộng	mg/L CaCO ₃	≤ 300	40	52
7	Hàm lượng Clorua (Cl ⁻)	mg/L	≤ 250	18	25
8	Clo dư	mg/L	0,2 - 1,0	0,35	0,5
9	Hàm lượng Nitrit (NO ₂ ⁻) (tính theo N)	mg/L	$\leq 0,05$	KPH (LOD: 0,01 mg/L)	KPH (LOD: 0,01 mg/L)
10	Hàm lượng Nitrate (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	≤ 2	1,05	1,05
11	Hàm lượng Sunphate (SO ₄ ²⁻)	mg/L	≤ 250	11,63	16,61
12	Hàm lượng Sắt tổng (Fe _{tc})	mg/L	$\leq 0,3$	0,02	0,03
13	Hàm lượng Mangan (Mn)	mg/L	$\leq 0,1$	0,009	0,035
14	Chỉ số Pecmanganat	mgO ₂ /L	≤ 2	0,64	0,7
15	<i>Coliform tổng</i>	CFU/100mL	< 3	0	0
16	<i>E. coli</i>	CFU/100mL	< 1	0	0
17	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	$\leq 0,3$	0,05	0,1
18	Hàm lượng Nhôm (Al)	mg/L	$\leq 0,2$	0,03	0,08
19	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/L	≤ 1	0,01	0,01
20	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/L	≤ 2	0,02	0,02